

DANH SÁCH HỌC SINH CÓ ĐIỂM THI CAO TRONG KỲ THI TN THPT 2024

STT	Lớp 12	Họ và tên	GT	Toán	Vật lí	Hóa học	A T-L-H
1	12A8	NGUYỄN TRỌNG PHÚC HIỀN	Nam	9.00	8.75	8.75	26.50
2	12A5	NGUYỄN ANH MINH	Nam	9.20	8.00	9.25	26.45
3	12A9	TRẦN MINH QUYỀN	Nam	8.40	9.00	9.00	26.40
4	12A11	VŨ BẢO PHÚC	Nam	9.00	9.00	8.25	26.25
5	12A9	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	8.80	8.75	8.50	26.05

STT	Lớp 12	Họ và tên	GT	Toán	Vật lí	Ngoại ngữ	A1 T-L-A
1	12A9	PHAN TẤN VƯỢNG	Nam	9.00	9.00	8.80	26.80
2	12A9	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	8.80	8.75	9.20	26.75
3	12A8	LÊ ĐÌNH MẠNH	Nam	9.20	8.25	9.20	26.65
4	12A5	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	9.00	8.25	9.20	26.45
5	12A9	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	8.60	8.75	9.00	26.35

STT	Lớp 12	Họ và tên	GT	Toán	Hóa học	Sinh học	B T-H-S
1	12A7	NGUYỄN NGÔ MINH ĐỨC	Nam	9.00	9.25	8.00	26.25
2	12A9	LÊ QUỐC HUY	Nam	8.40	9.25	8.50	26.15
3	12A7	ĐỖ TƯỜNG MINH	Nam	8.40	9.00	8.50	25.90
4	12A7	NGUYỄN QUANG PHƯỚC	Nam	8.20	8.50	8.75	25.45
5	12A6	TRẦN HẢI NHẬT QUANG	Nam	8.20	9.00	8.25	25.45

STT	Lớp 12	Họ và tên	GT	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	D T-V-A
1	12A9	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	8.00	9.25	9.60	26.85
2	12A1	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	Nam	8.40	8.50	9.60	26.50
3	12A9	TRẦN NGỌC BẢO NGHI	Nữ	8.80	9.00	8.60	26.40
4	12A9	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	8.60	8.75	9.00	26.35
5	12A14	NGUYỄN THỊ ANH THU	Nữ	8.60	8.75	9.00	26.35

STT	Lớp 12	Họ và tên	GT	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	C V-S-D
1	12A13	ĐẶNG MINH THU	Nữ	8.50	9.75	9.75	28.00
2	12A15	PHAN LÊ YẾN NHI	Nữ	8.75	9.50	9.50	27.75
3	12A15	TRẦN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	9.25	8.75	9.25	27.25
4	12A15	PHAN LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	8.75	9.50	9.00	27.25
5	12A16	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	7.50	9.50	9.75	26.75